

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH KHÁNH HOÀ**

Số: *10* /2011/NQ-HĐND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Khánh Hoà, ngày 08 tháng 4 năm 2011*

### **NGHỊ QUYẾT**

**VỀ MỘT SỐ CHẾ ĐỘ CHI TIÊU PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG CỦA  
HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HOÀ**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HOÀ KHOÁ IV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ 5**

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quy chế hoạt động Hội đồng nhân dân ngày 02 tháng 4 năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết 545/2007/NQ-UBTVQH12 ngày 11 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập và quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 773/2009/NQ-UBTVQH12 ngày 31 tháng 3 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành qui định về một số chế độ chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, văn phòng Quốc hội, các cơ quan trực thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các Đoàn Đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội;

Căn cứ Thông tư 97/2010/TT- BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính về việc qui định chế độ công tác phí, chế độ tổ chức hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập;

Sau khi xem xét Tờ trình số 27/TTr-HĐND ngày 04/4/2011 của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định một số chế độ chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân các cấp tại địa phương; Báo cáo thẩm tra số 25/BC-HĐND ngày 06/4/2011 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

## **QUYẾT NGHỊ:**

### **Điều 1. Chế độ hoạt động phí cho đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp:**

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: hoạt động phí bằng 0,5 mức lương tối thiểu/đại biểu/tháng.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện: hoạt động phí bằng 0,4 mức lương tối thiểu/đại biểu/tháng.

3. Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã: hoạt động phí bằng 0,3 mức lương tối thiểu/đại biểu/tháng.

### **Điều 2. Chế độ chi cho các đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp không hưởng lương từ ngân sách:**

1. Bảo hiểm y tế và chế độ mai táng: Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp không hưởng lương từ ngân sách được cấp thẻ bảo hiểm y tế bằng 4,5 % mức lương tối thiểu; khi qua đời nếu không tham gia bảo hiểm xã hội thì được hưởng chế độ mai táng bằng 10 tháng lương tối thiểu.

2. Hỗ trợ hoạt động: Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp đang làm việc tại các cơ sở sản xuất kinh doanh hoặc không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ kinh phí hoạt động như sau:

- a) Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: 1.000.000đồng/đại biểu/năm
- b) Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện: 700.000 đồng/đại biểu/năm
- c) Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã: 500.000đồng/đại biểu/năm

### **Điều 3. Chế độ chi hoạt động tham gia góp ý xây dựng các dự án luật (khi có yêu cầu )**

1. Đối tượng hưởng: Đại biểu Hội đồng nhân dân, thành viên tham dự cuộc họp góp ý dự án luật; Tổ chức, cá nhân khác góp ý dự án luật bằng văn bản.

2. Mức chi:

a) Chi bồi dưỡng cho đại biểu dự họp :

- Người chủ trì cuộc họp: 150.000đồng/người/buổi

-Đại biểu dự họp và chuyên viên phục vụ trực tiếp cuộc họp: 70.000đồng/người/buổi

- Nhân viên phục vụ gián tiếp cuộc họp: 30.000đồng/người/ buổi

b) Chi bồi dưỡng cho các cá nhân hoặc tập thể tham gia góp ý các dự án luật bằng văn bản ( khi có yêu cầu ): 200.000đồng/văn bản

c) Chi viết báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia các dự án luật: 300.000đồng/báo cáo

#### **Điều 4. Chi cho hoạt động giám sát, thẩm tra :**

1. Đối tượng hưởng: Các thành viên tham gia đoàn giám sát; Đại biểu tham dự thẩm tra, cho ý kiến đối với các văn bản trình Hội đồng nhân dân các cấp; Nhân viên phục vụ cho hoạt động giám sát, thẩm tra.

2. Nội dung chi: Chi cho hoạt động tiến hành giám sát; Tổ chức thẩm tra, cho ý kiến đối với các văn bản trình Hội đồng nhân dân; Xây dựng báo cáo kết quả giám sát, thẩm tra.

3. Mức chi:

a) Chi hoạt động tiến hành giám sát, tổ chức thẩm tra :

- Chi cho Trưởng đoàn giám sát, hoặc người chủ trì thẩm tra :

+ Cấp tỉnh: 100.000đồng/người/buổi

+ Cấp huyện: 70.000đồng/người/buổi

+ Cấp xã: 50.000đồng/người/buổi

- Chi cho thành viên trong Đoàn giám sát và các thành viên tham dự hoạt động thẩm tra :

+ Cấp tỉnh: 70.000đồng/người/buổi

+ Cấp huyện: 50.000đồng/người/buổi

+ Cấp xã: 30.000đồng/người/buổi

- Chi nhân viên phục vụ :

+ Cấp tỉnh: 30.000 đồng/buổi

+ Cấp huyện: 20.000 đồng/buổi

+ Cấp xã: 20.000 đồng/buổi

b) Chi xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả giám sát:

- Cấp tỉnh:

+ Báo cáo giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân: 300.000đồng/báo cáo.

+ Báo cáo giám sát của các ban Hội đồng nhân dân: 200.000đồng/báo cáo.

- Cấp huyện:

+ Báo cáo giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân: 200.000đồng/báo cáo.

+ Báo cáo giám sát của các ban Hội đồng nhân dân: 150.000đồng/báo cáo.

- Cấp xã: Báo cáo giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân: 150.000đồng/báo cáo.

c) Chi xây dựng báo cáo thẩm tra:

- Cấp tỉnh: 200.000 đồng/báo cáo

- Cấp huyện: 150.000 đồng/báo cáo

- Cấp xã: 100.000 đồng/báo cáo.

### **Điều 5. Chi hoạt động tiếp xúc cử tri :**

1. Đối tượng hưởng: Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; Các thành viên tham gia đoàn đại biểu tiếp xúc cử tri; Cán bộ tổ chức, cán bộ lãnh đạo địa phương không là đại biểu Hội đồng nhân dân có trách nhiệm trả lời ý kiến, kiến nghị của cử tri; Các điểm tiếp xúc cử tri.

2. Nội dung chi: Hỗ trợ hoạt động tiếp xúc cử tri; Các điểm tiếp xúc cử tri (kinh phí trang trí hội trường, nước uống...cho đại biểu, cử tri); Sinh hoạt tổ đại biểu Hội đồng nhân dân khi tiếp xúc cử tri; Xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri.

3. Mức chi:

a) Hỗ trợ các điểm tiếp xúc cử tri :

- Cấp tỉnh: 300.000đồng/điểm/lần
- Cấp huyện: 200.000đồng/điểm/lần
- Cấp xã: 100.000đồng/điểm/lần

b) Chi hỗ trợ cho đại biểu Hội đồng nhân dân và cán bộ tổ chức, cán bộ lãnh đạo địa phương (không là đại biểu Hội đồng nhân dân địa phương nơi tiếp xúc) có trách nhiệm trả lời ý kiến của cử tri ( tối đa không quá 5 người):

- Cấp tỉnh: 70.000đồng/người/buổi
- Cấp huyện: 50.000đồng/người/buổi
- Cấp xã: 30.000đồng/người/buổi

c) Chi bồi dưỡng cho nhân viên phục vụ đoàn:

- Cấp tỉnh: 30.000đồng/người/ buổi
- Cấp huyện: 20.000đồng/người/ buổi
- Cấp xã: 20.000đồng/người/ buổi

d) Chi hỗ trợ các Tổ đại biểu sinh hoạt khi tiếp xúc cử tri :

- Cấp tỉnh: 60.000đồng/ngày/Tổ đại biểu.
- Cấp huyện : 50.000đồng/ngày/Tổ đại biểu.
- Cấp xã: 40.000đồng/ngày/Tổ đại biểu.

đ) Chi xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến cử tri của từng tổ đại biểu Hội đồng nhân dân sau khi tiếp xúc cử tri :

- Cấp tỉnh: 70.000 đồng/báo cáo/ Tổ đại biểu.
- Cấp huyện: 50.000 đồng/báo cáo/Tổ đại biểu.
- Cấp xã: 40.000đồng/báo cáo/Tổ đại biểu.

e) Chi xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến cử tri trình tại kỳ họp Hội đồng nhân dân các cấp:

- Cấp tỉnh: 200.000đồng/báo cáo
- Cấp huyện: 150.000đồng/báo cáo
- Cấp xã: 100.000đồng/báo cáo

**Điều 6. Chi công tác tiếp công dân :**

Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; Cán bộ, công chức phục vụ đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp công dân được hưởng chế độ hỗ trợ công tác tiếp công dân theo quy định chung của tỉnh.

**Điều 7. Chi phục vụ các kỳ họp, phiên họp của Hội đồng nhân dân :**

1. Đối tượng hưởng: Đại biểu Hội đồng nhân dân; Đại biểu được mời tham dự kỳ họp Hội đồng nhân dân, các phiên họp khác của Hội đồng nhân dân, Đảng đoàn Hội đồng nhân dân (cấp tỉnh); Cán bộ công chức, nhân viên phục vụ công tác chuẩn bị và tổ chức kỳ họp, phiên họp Hội đồng nhân dân các cấp.

2. Nội dung chi: Chi cho công tác chuẩn bị và tổ chức các kỳ họp, phiên họp của Hội đồng nhân dân, Đảng đoàn Hội đồng nhân dân (cấp tỉnh).

3. Mức chi:

a) Chi bồi dưỡng tham dự kỳ họp Hội đồng nhân dân:

- Cấp tỉnh:

+ Chi cho chủ tọa kỳ họp: 200.000đồng/người/ngày

+ Thư ký kỳ họp Hội đồng nhân dân: 150.000 đồng/người/ngày

+ Chi cho đại biểu Hội đồng nhân dân và khách mời: 100.000đồng/người/ngày

+ Chi cho nhân viên phục vụ: 50.000đồng/người/ngày.

- Cấp huyện:

+ Chi cho chủ tọa kỳ họp: 150.000đồng/người/ngày

+ Thư ký kỳ họp Hội đồng nhân dân: 100.000đồng/người/ngày

+ Chi cho đại biểu Hội đồng nhân dân và khách mời: 80.000đồng/người/ngày

- + Chi cho nhân viên phục vụ: 40.000đồng/người/ngày
- Cấp xã:
  - + Chi cho chủ tọa kỳ họp: 100.000đồng/người/ngày
  - + Thư ký kỳ họp Hội đồng nhân dân: 80.000đồng/người/ngày
  - +Chi cho đại biểu Hội đồng nhân dân và khách mời: 60.000đồng/người/ngày
  - + Chi cho nhân viên phục vụ: 30.000đồng/người/ngày.

b) Chi hội nghị giao ban giữa Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân cấp tỉnh với Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân cấp huyện; Giữa Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân cấp huyện với Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã; Giữa Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã với Tổ trưởng các Tổ đại biểu:

- Cấp tỉnh:

- +Chi mỗi đại biểu tham dự và khách mời: 70.000 đồng/người/ngày
- +Chi bộ phận phục vụ : 50.000đồng/người/ngày

- Cấp huyện:

- +Chi mỗi đại biểu tham dự và khách mời: 50.000 đồng/người/ngày
- + Chi bộ phận phục vụ : 30.000đồng/người/ngày

- Cấp xã:

- +Chi mỗi đại biểu tham dự và khách mời: 40.000 đồng/người/ngày
- + Chi bộ phận phục vụ : 20.000 đồng/người/ngày

c) Chi bồi dưỡng các phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp; Đảng đoàn Hội đồng nhân dân ( cấp tỉnh ).

- Chi cho người chủ trì cuộc họp:
- + Cấp tỉnh: 100.000đồng/người/buổi
- + Cấp huyện: 70.000đồng/người/buổi

- + Cấp xã: 50.000đồng/người/buổi
- Chi bồi dưỡng cho các thành viên và đại biểu là khách mời:
  - + Cấp tỉnh : 70.000đồng/người/buổi
  - + Cấp huyện : 50.000đồng/người/buổi
  - + Cấp xã: 30.000đồng/người/buổi
- Chi nhân viên phục vụ :
  - + Cấp tỉnh: 30.000 đồng/người/buổi
  - + Cấp huyện: 20.000 đồng/người/buổi
  - + Cấp xã: 20.000 đồng/người/buổi.

### **Điều 8. Chế độ hỗ trợ khác:**

1. Đối tượng hỗ trợ: Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; Cán bộ, công chức Văn phòng phục vụ trực tiếp cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp.

2. Mức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ tiền trang phục (lễ phục) mỗi nhiệm kỳ cho đại biểu Hội đồng nhân dân:

- Cấp tỉnh: 3.000.000đồng/đại biểu/ nhiệm kỳ
- Cấp huyện: 2.500.000đồng/người/nhiệm kỳ
- Cấp xã: 2.000.000đồng/người/nhiệm kỳ

- Cán bộ, công chức của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; Lãnh đạo văn phòng Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện và chuyên viên trực tiếp phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân; Công chức Văn phòng HĐND-UBND cấp xã được cấp tiền trang phục bằng ½ tiền trang phục của đại biểu cùng cấp.

b) Hỗ trợ thông tin liên lạc:

Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được khoán tiền tài liệu thông tin, liên lạc như sau:

- Cấp tỉnh: 100.000đồng/tháng/đại biểu.



- Cấp huyện: 80.000đồng/tháng/đại biểu.

- Cấp xã: 60.000đồng/tháng/đại biểu.

Riêng đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được đặt mua một tờ báo “Đại biểu nhân dân”.

### **Điều 9. Chi chế độ phụ cấp kiêm nhiệm các chức danh lãnh đạo của Hội đồng nhân dân:**

1. Đối tượng: Đại biểu Hội đồng nhân dân đang giữ chức danh lãnh đạo (bầu cử hoặc bổ nhiệm) ở một cơ quan trong hệ thống chính trị được bầu kiêm nhiệm giữ một trong các chức danh của Hội đồng nhân dân các cấp.

2. Mức phụ cấp:

Đối với các chức danh kiêm nhiệm của Hội đồng nhân dân các cấp (Chủ tịch Hội đồng nhân dân; Trưởng ban, Phó Trưởng ban các ban Hội đồng nhân dân) được hưởng phụ cấp bằng 10 % mức lương chức vụ hoặc mức lương chuyên môn, nghiệp vụ cộng với phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) hiện hưởng theo quy định tại Thông tư 78/2005/TT-BNV ngày 10/8/2005 của Bộ Nội vụ và Hướng dẫn số 55-HD/BTCTW ngày 31/01/2005 của Ban Tổ chức Trung ương.

Hội đồng nhân dân các cấp chịu trách nhiệm chi trả khoản phụ cấp này.

### **Điều 10. Chi cho công tác xã hội :**

1. Đối tượng hỗ trợ: Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; Đại biểu nguyên là Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp; Nguyên là đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

2. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ đại biểu khi ốm đau, phúng điếu, hỗ trợ nhân dịp Tết Âm lịch.

3. Mức hỗ trợ:

a) Đối với đại biểu Hội đồng nhân dân :

- Thăm hỏi đại biểu Hội đồng nhân dân bị ốm nặng nằm viện (mỗi năm không quá 2 lần/người)

+ Cấp tỉnh: 400.000đồng/lần/người

+ Cấp huyện: 300.000đồng/lần/người

+ Cấp xã: 200.000đồng/lần/người.

- Phúng điếu khi đại biểu Hội đồng nhân dân, cha mẹ đẻ, cha mẹ vợ (chồng), vợ (chồng), con của đại biểu Hội đồng nhân dân khi qua đời :

+ Cấp tỉnh: 400.000đồng/người

+ Cấp huyện: 300.000đồng/người

+ Cấp xã: 200.000đồng/người.

b) Đối với đại biểu nguyên là lãnh đạo Thường trực Hội đồng nhân dân:

- Chi thăm hỏi ốm đau, thăm viếng, phúng điếu:

+ Cấp tỉnh: 500.000đồng/người

+ Cấp huyện: 400.000đồng/người

+ Cấp xã: 300.000đồng/người

- Chi quà tặng nhân ngày Tết Âm lịch:

+ Cấp tỉnh: Không quá 1.000.000 đồng/người

+ Cấp huyện: Không quá 700.000đồng/người

+ Cấp xã: Không quá 500.000đồng/người.

c) Đối với nguyên là đại biểu Hội đồng nhân dân khi ốm nặng nằm viện; khi qua đời được hỗ trợ :

- Cấp tỉnh: 300.000đồng/người

- Cấp huyện: 200.000đồng/người

- Cấp xã: 150.000đồng/người

### **Điều 11. Tổ chức thực hiện:**

1. Các quy định về chế độ, định mức chi tiêu phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp thực hiện từ kinh phí được giao hàng năm. Đối tượng chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm và thực hiện quyết toán với ngân sách cùng cấp.

Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được hưởng các chế độ quy định theo Nghị quyết này thì không được thanh toán chế độ công tác phí theo Thông tư

97/2010/TT- BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính về việc qui định chế độ công tác phí, chế độ tổ chức hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập. Các đối tượng khác có thể lựa chọn để được thanh toán chế độ công tác phí theo Thông tư 97/2010/TT- BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính hoặc chế độ quy định tại Nghị quyết này nhưng chỉ được thanh toán một lần.

2. Nghị quyết có hiệu lực từ ngày 01/5/2011 và thay thế Nghị quyết số 17/2006/NQ-HĐND ngày 30/3/2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chế độ hỗ trợ hoạt động Hội đồng nhân dân các cấp tại địa phương.

3. Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

4. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết này trên các lĩnh vực, địa bàn thuộc phạm vi trách nhiệm được phân công.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hoà khóa IV, kỳ họp chuyên đề lần thứ 5 thông qua.

**Nơi nhận:**

- UBTVQH; Chính phủ;
- Bộ Tài chính; Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy, các ban Đảng;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh; VP UBND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo (02 bản);
- Lưu VT, HV.

**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần An Khánh**